|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: ..…/BC-UBND | *Đồng Nai, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

**BÁO** **CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Quốc tế: Những năm gần đây, cùng với phát triển khoa học công nghệ, đặc biệt trước sự bùng nổ của cuộc Cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, đã xuất hiện nhiều phương thức kinh doanh mới dựa trên nền tảng phát triển trực tuyến như: Kết nối vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, công nghệ tự động hóa trong sản xuất và kiểm soát chất lượng… Những phương thức kinh doanh này không chỉ giúp doanh nghiệp (DN) vận dụng để gia tăng năng suất và kiểm soát chất lượng mà còn có thể kết hợp với nhau để đổi mới các hoạt động của DN từ phân tích hành vi của khách hàng, sáng tạo sản phẩm mới, quảng bá sản phẩm, tư vấn trực tuyến, kiểm soát sản xuất và chất lượng tự động, quản lý tài chính, làm việc từ xa... Thông qua đổi mới công nghệ sản xuất, công nghệ quản lý, đối với DN nhỏ và vừa (DNNVV) có thể sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả hơn thông qua tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng khâu tiêu thụ sản phẩm và chính sách hậu mãi..

Trong nước: Hiện nay, số lượng DN Việt Nam nhiều và gia tăng liên tục, nhưng trong đó có đến 97% là DNNVV, DN siêu nhỏ. Năng lực sản xuất của DN Việt Nam hạn chế do ít cập nhật sự thay đổi của thị trường và công nghệ. Thực trạng chung của các DN này là sử dụng công nghệ lạc hậu, năng suất lao động quá thấp so với các nước trong khu vực, thường xuyên gặp khó về tài chính, nhân lực yếu kém chưa tiếp nhận thông tin và công nghệ mới trong sản xuất, cũng như các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Quá trình đổi mới công nghệ của DN cũng luôn đối mặt với những trở lực, nhất là công nghệ đã đầu tư với giá trị lớn nhưng lạc hậu khi chưa thu hồi vốn, kiến thức và kỹ năng của nguồn nhân lực không thích ứng với bối cảnh mới.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Thông qua chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, những công nghệ - thiết bị mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và hạn chế tác hại đến môi trường; Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) nâng cao trình độ công nghệ nhằm góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ doanh nghiệp về đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ ưu tiên để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đến năm 2030, trong đó có đề cập nội dung “*Xây dựng Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ ưu tiên để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4*”. Tỉnh Đồng Nai là một tỉnh công nghiệp với hơn 50.000 doanh nghiệp đang hoạt động, chịu ảnh hưởng từ các nội dung đề ra bởi Quyết định số 2289/QĐ-TTg. Do đó, để tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai từng bước thực hiện lộ trình thực hiện các hoạt động đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ ưu tiênnhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra cần thiết phải xây dựng chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Nhà nước hỗ trợ hoàn toàn hay một phần chi phí để giúp doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ; nâng cao năng lực quản lý công nghệ, quản trị công nghệ cho các kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp khi đảm bảo các nội dung sau:

1.3.1. Điều kiện hỗ trợ:

a) Doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

c) Có phiếu đăng ký, báo cáo kết quả thực hiện và đảm bảo thực hiện đúng các nội dung đã đề xuất đúng theo quy định của pháp luật

1.3.2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Việc hỗ trợ phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp.

b) Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn tỉnh, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn một (01) Chương trình hỗ trợ phù hợp nhất.

c) Trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều nội dung khác nhau của chính sách thì sẽ được hưởng các chính sách hỗ trợ theo từng nội dung nếu đủ các điều kiện.

d) Tổ chức, doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

1.3.3. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho doanh nghiệp về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho doanh nghiệp thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong doanh nghiệp và chuyển đổi mô hình kinh doanh nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp siêu nhỏ; không quá 50 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp nhỏ và không quá 100 triệu đồng/năm đối với doanh nghiệp vừa.

**4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.**

Đối tượng chịu sự tác động của chính sách: Các doanh nghiệp trong nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Các loại hình tổ chức khác có nguồn vốn trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định của pháp luật;

4.1. Lợi ích

a) Chính sách được ban hành sẽ là công cụ pháp lý cao, tạo sự minh bạch, rõ ràng hiệu quả nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất.

b) Nâng cao được hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4.2. Tác động về tài chính

a) Tích cực: Hỗ trợ hoàn toàn hay một phần kinh phí cho doanh nghiệp trong việc nghiên nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất.

b) Tiêu cực: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc thực hiện chính sách. Tuy nhiên, các chi phí phát sinh này sẽ làm tăng khả năng sản xuất của doanh nghiệp, đẩy mạnh việc phát triển kinh tế tại địa phương.

4.3. Tác động về xã hội

Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kết hợp các chính sách khác của nhà nước hiện nay thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao trình độ, nâng cao giá trị sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường.

4.4. Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách không làm phát sinh về thủ tục hành chính.

4.5. Tác động về môi trường

Việc hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong quá trình sản xuất sẽ thúc đẩy và hiệu quả hơn trong việc giảm các tác động tiêu cực gây ra trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp đối với môi trường.

4.6. Tác động về hệ thống pháp luật

a) Không ban hành thêm, chỉ hỗ trợ thúc đẩy việc thực thi các quy định về nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp tại địa phương theo Luật Chuyển giao công nghệ, Quyết định 2289/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng chính phủ.

b) Thể hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc hài hòa giữa thực thi pháp luật và đẩy mạnh quá trình sản xuất của doanh nghiệp tại địa phương.

4.7. Tác động về giới: Quy định không hạn chế quyền tham gia của phụ nữ, nam giới.

4.8. Tác động đến doanh nghiệp

Chính sách ban hành giúp doanh nghiệp có một phần kinh phí trong việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong hoạt động sản xuất.

**5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn (trong đó có xác định thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề).**

a) Dựa trên cơ sở đánh giá tác động về kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính và tác động đối với hệ thống pháp luật, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thực hiện giải pháp đề xuất nhằm đảm bảo tính hiệu quả trong công tác quản lý của nhà nước, thực thi pháp luật và an sinh xã hội tại địa phương.

b) Đề xuất hình thức tổ chức thực hiện

- Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chính sách.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ doanh nghiệp về lĩnh vực công nghệ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết, giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định xét duyệt hồ sơ hỗ trợ.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Cơ quan chủ trì soạn thảo Văn bản (Sở Khoa học và Công nghệ) gửi lấy ý kiến các sở, ban ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan đồng thời thực hiện đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh 30 ngày để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của chính sách. Sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các sở ban ngành, địa phương và các đơn vị liên quan, cơ quan chủ trì, soạn thảo báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, tiếp tục hoàn thiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm định trước khi trình Hội đồng nhân dân quyết định.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách**: Ủy ban Nhân dân tỉnh.

**2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

- Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh.

- Các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh.

- Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh.

- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

**V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Đánh giá các yếu tố cấu thành thủ tục hành chính**

Tuy Dự thảo Nghị quyết có quy định về Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ nhưng đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính mà chủ yếu thực hiện theo các quy định hiện hành, cụ thể:

- Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thủ tục hành chính thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và UBND tỉnh đã ban hành và còn hiệu lực về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ nên đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị quyết này.

- Đối với các nhiệm vụ thường xuyên: Thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính nên đảm bảo không phát sinh thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị quyết này.

- Các tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu được hỗ trợ, UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ các quy định hiện hành để hướng dẫn hồ sơ theo các quy định hiện hành.

**2. Đánh giá sự cần thiết của thủ tục hành chính**

Các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị quyết chủ yếu viện dẫn đến các quy định của pháp luật hiện hành, không quy định thủ tục hành chính mới.

Dự thảo Nghị quyết quy định về Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ là cần thiết nhằm xác định đúng quy trình hỗ trợ, đảm bảo cho việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả. Về thủ tục đề nghị hỗ trợ, Dự thảo Nghị quyết không quy định mới mà chỉ viện dẫn đến việc thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ và của UBND tỉnh.

**3. Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp của thủ tục hành chính**

Do các thủ tục đề nghị hỗ trợ nêu trong Dự thảo Nghị quyết đều viện dẫn đến việc thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành mà không quy định thủ tục mới nên đảm bảo tính hợp lý và tính hợp pháp của thủ tục hành chính.

Dự thảo Nghị quyết có quy định về Hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ nhưng những nội dung này được xây dựng trên cơ sở tham khảo Quyết định ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030. Việc xác định được các điều kiện này nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương, giúp cho việc hỗ trợ được hiệu quả, tránh dàn trải, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật.

**4. Tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính**

Dự thảo Nghị quyết không phát sinh việc thu phí, lệ phí trong quá trình thực hiện các thủ tục.

Chi phí các tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ (in ấn, phô tô) đề nghị hỗ trợ không đáng kể. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ đều đã được Sở Khoa học và Công nghệ triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh nên giảm tối đa số lần các tổ chức, cá nhân phải đi lại để thực hiện thủ tục hành chính mà chủ yếu xử lý qua môi trường mạng.

Mức chi từ ngân sách Nhà nước hỗ trợ để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết này là các mức tối đa, phần còn lại (nếu có) do tổ chức, cá nhân tham gia đối ứng.

Do đó đảm bảo chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo Dự thảo Nghị quyết này là thấp nhất vì chủ yếu hỗ trợ là chính.

**5. Đánh giá chung**

Dự thảo Nghị quyết không quy định thủ tục hành chính mới. Việc viện dẫn đến các thủ tục theo quy định hiện hành nhằm đảm bảo tính thống nhất trong việc thi hành pháp luật (tính hợp pháp). Các điều kiện đề nghị hỗ trợ theo các chính sách trong Dự thảo Nghị quyết được quy định dựa trên các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia nên đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp.

**VI. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BIÊN CHẾ CỦA CHÍNH SÁCH**

Chính sách không phát sinh thêm biên chế thực hiện.

Trên đây là báo cáo tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết về ban hành chính sách Hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư, đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai của UBND tỉnh, kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét chấp thuận./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  |
| ***Nơi nhận:***- Hội đồng nhân dân tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTN. | **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH** |